

Bản án số: 58/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 01-10-2018.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Nguyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Ngô Bá Đức.

Ông Phạm Văn Nam.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Ông Võ Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 173/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2018 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 174/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Kim L - Sinh năm: 1990; địa chỉ nơi đăng ký HKTT: ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre; địa chỉ nơi cư trú: ấp G, xã N, huyện V, tỉnh Bến Tre (có mặt).

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn Thành N - Sinh năm: 1988; địa chỉ: ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tại đơn khởi kiện ngày 03 tháng 5 năm 2018, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Kim L trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh N tổ chức lễ cưới vào năm 2012 do mai mối, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 02/3/2012 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn là hoàn

toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong việc sử dụng tiền bạc nên hay cự cãi làm cho cuộc hôn nhân không còn hạnh phúc, không thể sống chung với nhau được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh N, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về nuôi con chung: Chị và anh N có một người con chung là: Nguyễn Nhật H - Sinh ngày 22/10/2012, hiện đang sống với chị L. Chị L yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con;

Về tài sản chung: Chị và anh N không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Chị và anh N không có nợ chung.

**Tại bản tự khai ngày 20 tháng 7 năm 2018, bị đơn là anh Nguyễn Văn Thành N trình bày:** Do có bất đồng quan điểm nên anh và chị L có cự cãi và sống ly thân từ tháng 5 năm 2018 cho đến nay. Anh còn thương vợ, thương con nên không đồng ý ly hôn với chị L. Nếu Tòa án giải quyết anh và chị L phải ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi người con chung giữa anh với chị L là Nguyễn Nhật H - Sinh ngày 22/10/2012, hiện đang sống với chị L, anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con, không có yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, đồng thời xác định anh và chị L không có nợ chung.

**Tại phiên tòa sơ thẩm:**

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Kim L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Thành N, không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, yêu cầu được nuôi người con chung là Nguyễn Nhật H, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và xác định chị và anh N không có nợ chung.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn Thành N vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre phát biểu: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu

khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim L, cụ thể: Chị Nguyễn Thị Kim L được ly hôn với anh Nguyễn Văn Thành N, giao cho chị L được quyền nuôi người con chung giữa chị với anh Nguyễn Văn Thành N là Nguyễn Nhật H, ghi nhận việc chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, về nợ chung không có yêu cầu nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Chị Nguyễn Thị Kim L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” với anh Nguyễn Văn Thành N có địa chỉ tại ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cà Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Anh Nguyễn Văn Thành N đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt tại các phiên hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đồng thời, anh Nguyễn Văn Thành N cũng vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai nên Tòa án xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn Thành N là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim L và anh Nguyễn Văn Thành N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Việc kết hôn giữa chị L với anh N là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, chị L cho rằng cuộc hôn nhân của anh chị đã không còn hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh N. Anh N cho rằng còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn. Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của chị L, anh N xác định được giữa anh chị có phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2018 cho đến nay mà không thể đoàn tụ được, giữa anh chị cũng không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau trong cuộc sống mà mạnh ai nấy sống. Anh N cho rằng còn thương vợ nhưng anh không có mặt theo thông báo, giấy triệu tập của Tòa án để gặp gỡ, trao đổi với chị L nhằm mục đích đoàn tụ. Từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị L với anh N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị L về việc xin ly hôn với anh N là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung:

[4.1] Chị L, anh N đều yêu cầu được nuôi người con chung là: Nguyễn Nhật H - Sinh ngày 22/10/2012. Xét thấy, chị L có việc làm ổn định, có điều kiện để nuôi con, đang là người trực tiếp nuôi con và thực hiện tốt việc chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục con nên cần giao cho chị L được quyền tiếp tục nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim L, anh Nguyễn Văn Thành N không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung và trình bày là không có nợ; đồng thời Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim L là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên chị phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 5, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim L:

1) Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim L được ly hôn với anh Nguyễn Văn Thành N.

2) Về nuôi con chung:

2.1. Giao cho chị Nguyễn Thị Kim L được quyền tiếp tục, trực tiếp nuôi người con chung giữa chị với anh Nguyễn Văn Thành N là: Nguyễn Nhật H - Sinh ngày 22 tháng 10 năm 2012 (hiện đang sống chung với chị L). Anh Nguyễn Văn Thành N không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Anh Nguyễn Văn Thành N có quyền thăm nom con; không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Trong trường hợp anh Nguyễn Văn Thành N lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị Nguyễn Thị Kim L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Nguyễn Văn Thành N.

2.3. Vì lợi ích của con chung, chị Nguyễn Thị Kim L, anh Nguyễn Văn Thành N, hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3) Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim L, anh Nguyễn Văn Thành N không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung và trình bày là không có nợ; đồng thời Tòa án nhân dân huyện Mô Cày Nam, tỉnh Bến Tre cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4) Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim L phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0016487 ngày 03 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre, chị Nguyễn Thị Kim L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5) Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án: Chị Nguyễn Thị Kim L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh Nguyễn Văn Thành N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân huyện Mô Cày Nam, tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Mô Cày Nam;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện M, tỉnh Bến Tre;
- Phòng KTNV và THA-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Văn Nguyên**

